BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 61/2011/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2011*

THÔNG TƯ
Quy định về nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh, tiêu chuẩn của nhân viên hàng không; thủ tục cấp giấy phép cho nhân viên hàng không; thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không.

Chương II
CHỨC DANH, NHIỆM VỤ, GIẤY PHÉP VÀ CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 3. Chức danh nhân viên hàng không

1. Thành viên tổ lái.

2. Giáo viên huấn luyện bay.

3. Tiếp viên hàng không.

4. Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay.

5. Nhân viên không lưu.

6. Nhân viên thông báo tin tức hàng không.

7. Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không.

8. Nhân viên khí tượng hàng không.

9. Nhân viên điều độ, khai thác bay.

10. Nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng.

11. Nhân viên tìm kiếm, cứu nạn hàng không.

12. Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

13. Nhân viên an ninh hàng không.

14. Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay.

Điều 4. Nhiệm vụ theo chức danh của nhân viên hàng không

1. Thành viên tổ lái thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, đảm bảo an toàn cho chuyến bay theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về khai thác bay và tàu bay.

2. Giáo viên huấn luyện bay thực hiện nhiệm vụ huấn luyện thực hành bay cho học viên bay theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về khai thác bay và tàu bay.

3. Tiếp viên hàng không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho hành khách trong chuyến bay, phục vụ trên tàu bay theo sự phân công của người khai thác tàu bay hoặc người chỉ huy tàu bay theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về khai thác bay và tàu bay.

4. Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay thực hiện nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay.

5. Nhân viên không lưu thực hiện các nhiệm vụ sau đây đối với chuyến bay

Điều hành bay bao gồm: kiểm soát mặt đất, kiểm soát tại sân bay, kiểm soát tiếp cận, kiểm soát đường dài; thông báo bay; tư vấn không lưu; Báo động và các nhiệm vụ khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về không lưu.

6. Nhân viên thông báo tin tức hàng không thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý cung cấp, trao đổi dịch vụ thông báo tin tức hàng không cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và các nhiệm vụ khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về thông báo tin tức hàng không.

7. Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không thực hiện nhiệm vụ khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống và thiết bị mạng viễn thông cố định Hàng không (AFTN), thiết bị thông tin sóng ngắn không - địa (HF A/G), thiết bị thông tin sóng cực ngắn không - địa (VHF), hệ thống chuyển mạch thoại (VCCS), thiết bị ghi âm; đài dẫn đường đa hướng sóng cực ngắn (VOR), đài đo cự ly bằng vô tuyến (DME), đài dẫn đường vô hướng (NDB), hệ thống hạ cánh bằng thiết bị (ILS/DME/Marker); hệ thống ra đa giám sát sơ cấp (PSR), hệ thống ra đa giám sát thứ cấp (SSR), hệ thống xử lý dữ liệu bay (FDP), hệ thống xử lý dữ liệu ra đa (RDP); nguồn điện và đèn tín hiệu sân bay; bay kiểm tra hiệu chuẩn thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát (CNS), phương thức bay và các nhiệm vụ khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về thông tin dẫn đường giám sát hàng không.

8. Nhân viên khí tượng hàng không thực hiện nhiệm vụ khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị khí tượng; thu thập, phân tích, xử lý số liệu khí tượng, lập bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết; cung cấp thông tin khí tượng cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động bay và các nhiệm vụ khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về khí tượng và khí tượng hàng không.

9. Nhân viên điều độ, khai thác bay thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch bay của người khai thác tàu bay và thực hiện công việc trợ giúp tổ lái trong quá trình thực hiện chuyến bay theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan lĩnh vực điều độ, khai thác bay.

10. Nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng thực hiện nhiệm vụ thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng và các nhiệm vụ khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng.

11. Nhân viên tìm kiếm, cứu nạn hàng không thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn và các nhiệm vụ khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về tìm kiếm, cứu nạn hàng không.

12. Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay thực hiện nhiệm vụ điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

13. Nhân viên an ninh hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh hàng không tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay; duy trì trật tự tại khu vực công cộng tại cảng hàng không, sân bay; tuần tra, canh gác bảo vệ vành đai cảng hàng không, sân bay, khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay, tàu bay đỗ tại cảng hàng không, sân bay; bảo đảm an ninh trên chuyến bay và các nhiệm vụ khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về an ninh hàng không.

14. Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay thực hiện nhiệm vụ giám sát dịch vụ chuyến bay; kiểm tra và làm thủ tục vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa tại cảng hàng không, sân bay; cân bằng trọng tải tàu bay; kiểm tra hàng nguy hiểm trước khi đưa lên tàu bay; vệ sinh tàu bay; hướng dẫn chất xếp; xếp, dỡ hành lý, hàng hóa lên, xuống tàu bay và các nhiệm vụ khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan.

Điều 5. Tiêu chuẩn nhân viên hàng không

1. Có chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không phù hợp.

2. Hoàn thành một trong các chương trình huấn luyện năng định nhân viên hàng không phù hợp tại cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.

3. Đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, sức khỏe, độ tuổi, thời gian thực tập nghiệp vụ theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về hàng không.

Điều 6. Chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không

1. Chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không quy định tại Thông tư này bao gồm một trong các loại sau:

a) Văn bằng, chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo tại Việt Nam theo hệ thống giáo dục quốc dân;

b) Chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo, huấn luyện cơ bản chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không tại Việt Nam được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

c) Chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo, huấn luyện cơ bản chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo là thành viên chính thức của Tổ chức đào tạo về hàng không dân dụng của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (TRAINAIR/ICAO); Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA); cơ sở sản xuất, chế tạo thiết bị, phương tiện phù hợp; cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không của nước ngoài đã được Cục Hàng không Việt Nam công nhận theo quy định tại Điều 23 của Thông tư này và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không.

2. Chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không quy định tại điểm c khoản 1 Điều này chỉ được công nhận tại Việt Nam với điều kiện người có chứng chỉ được đào tạo bổ sung các nội dung chưa được đào tạo theo chương trình đào tạo, huấn luyện cơ bản chuyên ngành hàng không quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 của Thông tư này tại cơ sở đào tạo, huấn luyện được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

Điều 7. Giấy phép nhân viên hàng không

1. Các chức danh nhân viên hàng không sau đây khi thực hiện nhiệm vụ phải có giấy phép nhân viên hàng không:

a) Chức danh nhân viên hàng không quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 12 và 13 Điều 3 của Thông tư này;

b) Chức danh nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không quy định tại khoản 7 Điều 3 của Thông tư này thực hiện nhiệm vụ khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống và thiết bị mạng viễn thông cố định Hàng không (AFTN), thiết bị thông tin sóng ngắn không - địa (HF A/G), thiết bị thông tin sóng cực ngắn không-địa (VHF), hệ thống chuyển mạch thoại (VCCS), thiết bị ghi âm; đài dẫn đường đa hướng sóng cực ngắn (VOR), đài đo cự ly bằng vô tuyến (DME), đài dẫn đường vô hướng (NDB), hệ thống hạ cánh bằng thiết bị (ILS/DME/Marker); hệ thống ra đa giám sát sơ cấp (PSR), hệ thống ra đa giám sát thứ cấp (SSR), hệ thống xử lý dữ liệu bay (FDP), hệ thống xử lý dữ liệu ra đa (RDP); nguồn điện và đèn tín hiệu sân bay; bay kiểm tra hiệu chuẩn thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát (CNS) và phương thức bay.

2. Điều kiện được cấp giấy phép nhân viên hàng không bao gồm:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

b) Tham dự và đạt kết quả của kỳ kiểm tra năng định chuyên môn phù hợp của Cục Hàng không Việt Nam;

c) Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về hàng không.

3. Giấy phép nhân viên hàng không bao gồm các nội dung sau đây:

a) Quốc hiệu nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Cơ quan cấp giấy phép;

c) Tên giấy phép;

d) Số giấy phép;

đ) Ngày cấp, thời hạn của giấy phép;

e) Họ tên, ngày sinh, địa chỉ, quốc tịch của người được cấp giấy phép;

g) Quyền và nghĩa vụ của người được cấp giấy phép;

h) Năng định;

i) Chữ ký của người cấp giấy phép và dấu của cơ quan cấp giấy phép;

k) Các yêu cầu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không.

4. Các nhân viên hàng không không thuộc đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều này khi thực hiện nhiệm vụ phải có chứng chỉ chuyên môn nêu tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.

Điều 8. Thủ tục cấp, công nhận giấy phép nhân viên hàng không

1. Người đề nghị cấp, công nhận giấy phép nhân viên hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp, công nhận giấy phép nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (đối với người đề nghị là cá nhân không thuộc tổ chức). Đơn đề nghị cấp, công nhận giấy phép nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục Ia kèm theo danh sách đề nghị cấp giấy phép nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục Ib ban hành kèm theo Thông tư này (đối với người đề nghị là tổ chức);

b) Bản sao chứng chỉ chuyên môn phù hợp;

c) 02 ảnh màu kích thước 3 x 4 cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân;

d) Văn bản chứng nhận kết quả huấn luyện năng định theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này;

đ) Các tài liệu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành về hàng không.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm tra, sát hạch và cấp, công nhận giấy phép nhân viên hàng không cho những người đáp ứng đủ điều kiện.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày ghi trên dấu bưu điện đến, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu người đề nghị bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp từ chối kiểm tra, sát hạch và cấp giấy phép nhân viên hàng không, Cục Hàng không Việt Nam thông báo cho người đề nghị, nêu rõ lý do.

Điều 9. Thời hạn và giá trị hiệu lực của giấy phép nhân viên hàng không

1. Thời hạn hiệu lực của giấy phép nhân viên hàng không là 07 năm, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không có quy định khác thì áp dụng theo quy định tại các văn bản đó.

2. Đối với chức danh nhân viên hàng không yêu cầu năng định có thời hạn hiệu lực, giấy phép chỉ có giá trị hiệu lực khi năng định còn hiệu lực.

Điều 10. Thủ tục cấp lại giấy phép nhân viên hàng không

1. Giấy phép được cấp lại trong trường hợp giấy phép được cấp đã hết thời hạn hiệu lực, mất hoặc hỏng.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên hàng không bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (đối với người đề nghị là cá nhân

không thuộc tổ chức). Đơn đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa kèm theo danh sách đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IIb ban hành kèm theo Thông tư này (đối với người đề nghị là tổ chức);

b) Bản chính giấy phép (trường hợp giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, bị hỏng);

c) 02 ảnh màu kích thước 3 x 4 cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

3. Đối với trường hợp cấp lại do giấy phép được cấp bị mất hoặc hỏng, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy phép cho người đề nghị hoặc thông báo từ chối bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Đối với trường hợp cấp lại do giấy phép được cấp đã hết thời hạn hiệu lực, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm tra, sát hạch và cấp lại giấy phép cho người đề nghị hoặc thông báo từ chối bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 11. Năng định, thời hạn hiệu lực của năng định nhân viên hàng không

1. Năng định là chứng nhận về năng lực chuyên môn của nhân viên hàng không đáp ứng đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ theo chức danh ghi trong giấy phép nhân viên hàng không. Danh mục năng định nhân viên hàng không được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn hiệu lực của năng định là thời hạn hiệu lực của giấy phép, trừ các trường hợp được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không.

3. Năng định lần đầu được cấp cùng với giấy phép nhân viên hàng không theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này, hồ sơ đề nghị cấp năng định đồng thời là hồ sơ cấp giấy phép.

Điều 12. Thủ tục cấp lại, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên hàng không

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại, bổ sung, phục hồi năng định bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp lại, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (đối với người đề nghị là cá nhân không thuộc tổ chức). Đơn đề nghị cấp lại, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục IVa kèm theo danh sách đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IVb ban hành kèm theo Thông tư này (đối với người đề nghị là tổ chức);

b) Bản sao chụp kết quả huấn luyện năng định phù hợp với năng định đề nghị cấp lại, phục hồi;

c) Bản sao chụp chứng chỉ chuyên môn phù hợp với năng định đề nghị cấp bổ sung;

d) Bản chính giấy phép nhân viên hàng không;

đ) Các tài liệu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về hàng không dân dụng.

2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm tra sát hạch và cấp lại, bổ sung, phục hồi năng định cho người đề nghị hoặc thông báo từ chối bằng văn bản, nêu rõ lý do.

3. Trong thời gian đề nghị cấp lại, phục hồi năng định, nhân viên hàng không được phép thực hiện công việc theo năng định còn hiệu lực mà không phải mang theo giấy phép nhân viên hàng không.

4. Trường hợp thủ tục cấp lại, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên hàng không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không thì áp dụng quy định tại các văn bản đó.

Điều 13. Thu hồi giấy phép nhân viên hàng không

1. Các trường hợp thu hồi giấy phép nhân viên hàng không

a) Người được cấp giấy phép không còn đáp ứng đủ điều kiện cấp giấy phép;

b) Giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa;

c) Người được cấp giấy phép sử dụng giấy phép không đúng mục đích;

d) Người được cấp giấy phép có hành vi vi phạm uy hiếp trực tiếp an toàn, an ninh hàng không;

đ) Người được cấp giấy phép sử dụng ma túy hoặc bị truy tố tội phạm hình sự.

2. Thẩm quyền thu hồi giấy phép

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép có thẩm quyền thu hồi giấy phép.

Điều 14. Hội đồng kiểm tra

1. Cục Hàng không Việt Nam thành lập Hội đồng kiểm tra theo từng lĩnh vực chuyên môn thực hiện việc kiểm tra, sát hạch để cấp giấy phép và năng định cho nhân viên hàng không.

2. Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm xây dựng quy chế làm việc của Hội đồng; nội dung kiểm tra, đề kiểm tra và đáp án trình Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

3. Hội đồng kiểm tra làm việc theo nguyên tắc đa số; cuộc họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 thành viên có mặt; kết luận của Hội đồng có giá trị khi có ít nhất 70% số thành viên có mặt đồng ý.

4. Hội đồng kiểm tra được phép sử dụng cán bộ, nhân viên có trình độ nghiệp vụ chuyên môn phù hợp của các cơ quan, đơn vị có nhân viên được kiểm tra để giúp Hội đồng thực hiện việc kiểm tra chuyên môn.

Chương III
CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG TẠI VIỆT NAM

Điều 15. Yêu cầu chung đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Có tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ phù hợp.

2. Có phòng học, trang bị, thiết bị, cơ sở thực hành phù hợp với mục đích, nội dung đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu theo quy định.

3. Có đội ngũ giáo viên phù hợp với chuyên ngành đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu theo quy định.

4. Có chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định.

5. Có giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu theo quy định.

6. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật về giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Điều 16. Yêu cầu tối thiểu về phòng học, trang bị, thiết bị, cơ sở thực hành của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Phòng học phải có đủ diện tích, ánh sáng, độ thông thoáng thiết bị nghe, nhìn và các thiết bị khác phục vụ cho việc học tập.

2. Cơ sở thực hành, phòng thực tập phải có diện tích và không gian phù hợp với thiết bị, máy móc được sử dụng và đảm bảo điều kiện tối thiểu phù hợp với quy định của Nhà nước đối với cơ sở dạy nghề.

3. Thư viện phải có đủ sách, giáo trình, tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

4. Trang bị, thiết bị phục vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ một số chuyên ngành phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thành viên tổ lái, giáo viên huấn luyện bay phải có tàu bay huấn luyện, buồng lái giả định; xưởng bảo dưỡng tàu bay; thiết bị kiểm tra phi công, luyện tập thể lực và các thiết bị khác theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thành viên tổ lái, giáo viên huấn luyện bay;

b) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ tiếp viên hàng không: có mô hình khoang tàu bay được trang bị đủ hệ thống an ninh, an toàn, khẩn nguy, cấp cứu, hệ thống dưỡng khí và các dụng cụ phục vụ hành khách trên tàu bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp phép hoặc phê chuẩn và các thiết bị khác theo quy định tại

văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ tiếp viên hàng không;

c) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay: có tàu bay học cụ được trang bị thiết bị điện, điện tử, thông tin liên lạc còn hoạt động; dụng cụ thực hành về cơ giới, điện, điện tử, công nghệ thông tin, sơ đồ kết cấu tàu bay phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay;

d) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên không lưu: có hệ thống huấn luyện giả định cho nhân viên không lưu (trừ nhân viên thực hiện nhiệm vụ thủ tục bay, thông báo - hiệp đồng bay, đánh tín hiệu) phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên không lưu;

đ) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không: có đủ thiết bị thực hành phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không;

e) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên an ninh hàng không: có các thiết bị hoặc mô hình giả định và phần mềm giảng dạy an ninh soi chiếu hành khách, hành lý, hàng hóa; các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật phẩm nguy hiểm; phòng thực hành được trang bị thiết bị giảng dạy phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên an ninh hàng không;

g) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông báo tin tức hàng không: có hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; có đủ thiết bị thực hành phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông báo tin tức hàng không;

h) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khí tượng hàng không: có thiết bị và hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khí tượng hàng không;

i) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên điều độ, khai thác bay: có các tài liệu liên quan đến tính năng, kỹ thuật các loại tàu bay đang khai thác, phần

mềm về điều độ, khai thác bay; các thiết bị thực hành và hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các tài liệu khác phù hợp với yêu cầu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

k) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay: có thiết bị, phương tiện thực hành, bãi tập, tài liệu hướng dẫn khai thác thiết bị, phương tiện phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các tài liệu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về quản lý, khai thác cảng hàng không;

l) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay: có trang bị, thiết bị, tài liệu, hệ thống thông tin, dữ liệu, phần mềm hướng dẫn thực hành khai thác phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, tài liệu hướng dẫn khai thác và các quy định khác tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan;

m) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng: có quy trình xây dựng, thiết kế phương thức bay và khai thác phương thức bay, hệ thống bản đồ hàng không, hệ thống thông tin, dữ liệu và trang thiết bị phục vụ công tác thiết kế phương thức bay phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và tài liệu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng và các yêu cầu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) liên quan;

n) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên tìm kiếm cứu nạn hàng không: có sơ đồ, mô hình tổ chức hệ thống tìm kiếm cứu nạn hàng không, quy trình tổ chức tìm kiếm cứu nạn; các tình huống giả định, băng hình diễn tập tìm kiếm cứu nạn hàng không; hệ thống thiết bị, bản các ký hiệu mã, cốt quốc tế liên quan đến hoạt động bay dân dụng và hoạt động tìm kiếm, cứu nạn; hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn hàng không phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và tài liệu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về tìm kiếm cứu nạn hàng không.

Điều 17. Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải có đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để đảm bảo mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy. Cơ sở đào tạo, huấn luyện có thể duy trì các hình thức giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không. Số lượng giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện không được lớn hơn 50% số lượng giáo viên chuyên ngành hàng không của cơ sở.

2. Tiêu chuẩn giáo viên chuyên ngành hàng không

a) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo và dạy nghề; đối với giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

b) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không tương ứng;

c) Có chứng chỉ chuyên môn liên quan hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.

Điều 18. Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ hàng không

1. Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ hàng không bao gồm:

a) Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ để cấp chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chương trình huấn luyện phục hồi, chuyển loại, định kỳ nhân viên hàng không;

c) Chương trình huấn luyện năng định nhân viên hàng không;

d) Chương trình huấn luyện làm quen (đối với kiểm soát viên không lưu);

đ) Chương trình bổ túc, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn chuyên ngành hàng không.

2. Chương trình đào tạo, huấn luyện nêu tại các điểm a, b khoản 1 của Điều này phải được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt; người đề nghị phê duyệt gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, hồ sơ bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị phê duyệt chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu đề nghị phê duyệt.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị phê duyệt theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan, chỉnh sửa tài liệu, chương trình; ban hành văn bản phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt, nêu rõ lý do.

4. Các chương trình quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều này do cơ sở đào tạo, huấn luyện phê duyệt.

Điều 19. Giáo trình và tài liệu của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải có đủ giáo trình, tài liệu giảng dạy (gọi chung là giáo trình) phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện. Giáo trình chuyên ngành hàng không phải được thủ trưởng cơ sở phê duyệt trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu giáo trình,

tài liệu đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành hàng không của cơ sở (sau đây gọi chung là Hội đồng nghiệm thu giáo trình).

2. Hội đồng nghiệm thu giáo trình của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không do người đứng đầu cơ sở thành lập phù hợp với mỗi lĩnh vực chuyên ngành hàng không tương ứng. Thành phần Hội đồng nghiệm thu giáo trình phải bao gồm đại diện lãnh đạo của cơ sở và các chuyên gia về lý thuyết và thực hành có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ.

Điều 20. Giấy chứng nhận, thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

2. Mẫu giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

b) Giấy chứng nhận bị thu hồi theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.

Điều 21. Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chụp quyết định thành lập cơ sở hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của pháp nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật;

c) Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt hoặc công nhận;

d) Danh sách giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm kèm theo bản sao các văn bằng, chứng chỉ, tóm tắt quá trình công tác của giáo viên;

đ) Phương án đội ngũ giáo viên thỉnh giảng kèm theo bản sao thỏa thuận giữa cơ sở với giáo viên đó hoặc đơn vị chủ quản của giáo viên đó;

e) Báo cáo về cơ sở vật chất: phòng học, trang thiết bị, cơ sở hoặc nơi thực hành phù hợp với nội dung đào tạo;

g) Báo cáo về giáo trình, tài liệu giảng dạy lý thuyết, thực hành liên quan đến từng môn học;

h) Báo cáo về hệ thống tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không; mẫu chứng chỉ chuyên môn quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan, chỉnh sửa tài liệu; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cho cơ sở đề nghị hoặc gửi văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận, nêu rõ lý do.

3. Việc kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ được thực hiện theo các nội dung trong Phiếu kiểm tra, đánh giá cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Kết quả thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ phải được thể hiện bằng biên bản.

5. Trường hợp thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không thì áp dụng quy định tại văn bản đó.

Điều 22. Cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Giấy chứng nhận được cấp lại trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, rách, hỏng. Giấy chứng nhận được sửa đổi, bổ sung trong trường hợp nội dung của giấy chứng nhận cần sửa đổi, bổ sung.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại, sửa đổi, bổ sung bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này, nêu rõ lý do đề nghị;

b) Bản chính giấy chứng nhận đã được cấp, trừ trường hợp bị mất;

c) Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận.

3. Đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do giấy chứng nhận bị mất, rách, hỏng: trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải

trình bổ sung các nội dung liên quan, chỉnh sửa tài liệu; sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 23. Công nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nước ngoài

1. Cục Hàng không Việt Nam quyết định công nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nước ngoài khi đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18 và 19 của Thông tư này và tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không có liên quan.

2. Thủ tục công nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nước ngoài được thực hiện như thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không quy định tại Điều 21 của Thông tư này, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không có quy định khác thì áp dụng theo quy định tại các văn bản đó.

Điều 24. Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Giấy chứng nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

b) Cơ sở được cấp giấy chứng nhận bị giải thể;

c) Cơ sở cung cấp thông tin không trung thực tại hồ sơ đề nghị cấp;

d) Cơ sở hoạt động không đúng mục đích được quy định tại giấy chứng nhận;

đ) Cơ sở vi phạm các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không;

e) Cơ sở không duy trì đủ điều kiện theo giấy chứng nhận đã được cấp;

g) Giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa.

2. Thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận.

Chương IV
CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 25. Yêu cầu về trình độ tiếng Anh đối với nhân viên hàng không

1. Các nhân viên hàng không sử dụng thiết bị liên lạc và liên lạc vô tuyến khi thực hiện nhiệm vụ phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu mức 4 theo thang đánh giá của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), bao gồm:

a) Thành viên tổ lái;

b) Nhân viên không lưu thực hiện nhiệm vụ tại các vị trí: huấn luyện viên không lưu; kiểm soát mặt đất tại sân bay; kiểm soát tại sân bay; kiểm soát tiếp cận không ra đa; kiểm soát tiếp cận ra đa; kiểm soát đường dài không ra đa; kiểm soát đường dài ra đa; kíp trưởng không lưu;

c) Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không thực hiện nhiệm vụ khai thác thiết bị thông tin sóng ngắn không - địa (HF A/G).

2. Đối với các nhân viên hàng không khác thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không liên quan.

3. Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không cho cơ sở đánh giá đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 26 của Thông tư này.

4. Cơ sở kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không, kết quả đánh giá được ghi trên phiếu kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này và phải được thông qua Hội đồng đánh giá trình độ tiếng Anh của cơ sở. Kết quả đánh giá ghi trên phiếu là chứng nhận trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không.

5. Hội đồng đánh giá trình độ tiếng Anh do người đứng đầu cơ sở thành lập. Thành phần Hội đồng đánh giá trình độ tiếng Anh phải bao gồm đại diện lãnh đạo của cơ sở, các chuyên gia khai thác trong lĩnh vực chuyên ngành hàng không tương ứng và có ít nhất 02 giáo viên đánh giá đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Thông tư này.

Điều 26. Yêu cầu đối với cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không

1. Có chương trình đánh giá trình độ tiếng Anh theo thang đánh giá của ICAO, bao gồm:

a) Phương thức kiểm tra (kiểm tra trực tiếp, gián tiếp) phù hợp với chuyên môn của người được kiểm tra;

b) Có ngân hàng câu hỏi phù hợp và đủ điều kiện để đánh giá các trình độ khác nhau theo quy định của ICAO;

c) Chấm bài theo các tiêu chí đánh giá của ICAO, mỗi bài phải có ít nhất 02 giáo viên cùng chấm, kết quả của mỗi tiêu chí được tính theo phương pháp trung bình cộng được thể hiện trên phiếu kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh và có chữ ký của 02 giáo viên kiểm tra; bài kiểm tra phỏng vấn phải được ghi âm để lưu trữ trong hồ sơ;

d) Quy trình bàn giao bài kiểm tra, xác định tính hợp lệ của bài kiểm tra, niêm phong bài kiểm tra;

đ) Nội quy kiểm tra: trình tự tổ chức kiểm tra, quy trình kiểm tra; thời gian kiểm tra; nội quy phòng kiểm tra; thiết bị, tài liệu tại phòng kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của người tham dự kiểm tra, người kiểm tra, người giám sát kiểm tra; xử lý trường hợp phạm quy;

e) Công bố kết quả kiểm tra, phúc tra, giải quyết khiếu nại;

g) Chế độ lưu trữ hồ sơ, tài liệu kiểm tra, báo cáo;

h) Các nội dung khác có liên quan.

2. Có giáo viên đánh giá đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây:

a) Là chuyên gia khai thác trong lĩnh vực chuyên ngành hàng không tương ứng, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm, có trình độ cử nhân Anh ngữ hoặc tương đương, có chứng chỉ giáo viên đánh giá tiếng Anh hàng không do cơ sở đào tạo được Cục Hàng không Việt Nam công nhận;

b) Là giáo viên tiếng Anh có ít nhất 05 năm liên tục giảng dạy tại các trường đại học hoặc cao đẳng, có chứng chỉ tiếng Anh hàng không Mức 6 theo thang đánh giá của ICAO hoặc chứng chỉ giáo viên đánh giá tiếng Anh hàng không do cơ sở đào tạo được Cục Hàng không Việt Nam công nhận.

3. Hệ thống thiết bị kiểm tra, đánh giá phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu như sau:

a) Các thiết bị nghe, nhìn đảm bảo chất lượng tốt;

b) Hệ thống máy tính được cài đặt chương trình phần mềm kiểm tra (đối với phương thức kiểm tra gián tiếp bằng máy tính);

c) Thiết bị ghi âm có dung lượng phù hợp với bài kiểm tra;

d) Các thiết bị khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan lĩnh vực kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không.

4. Điểm xếp loại trình độ: là điểm thấp nhất trong số điểm trung bình cộng của từng tiêu chí đã được chấm thể hiện trong phiếu kiểm tra, đánh giá. Kết quả đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không của cơ sở (ghi trên Phiếu kiểm tra, đánh giá) được gửi 01 bản về Cục Hàng không Việt Nam để ghi vào giấy phép nhân viên hàng không.

Điều 27. Giấy chứng nhận, thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không tại Việt Nam.

2. Mẫu giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

b) Giấy chứng nhận bị thu hồi theo quy định tại Điều 31 của Thông tư này.

Điều 28. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không

1. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chụp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của pháp nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật (trường hợp cơ sở đánh giá là pháp nhân). Trường hợp cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không là tổ chức trực thuộc pháp nhân thì ngoài bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của pháp nhân phải kèm theo bản sao Quyết định thành lập cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không do pháp nhân cấp;

c) Chương trình đánh giá trình độ tiếng Anh theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Thông tư này;

d) Danh sách giáo viên đánh giá có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Thông tư này kèm theo bản sao các văn bằng, chứng chỉ phù hợp;

đ) Bản báo cáo về cơ sở vật chất của cơ sở đánh giá: phòng kiểm tra, đánh giá; trang thiết bị kiểm tra, đánh giá phù hợp;

e) Báo cáo về hệ thống tổ chức, bộ máy và văn bản quản lý cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu cơ sở hoàn thiện tài liệu; cấp, công nhận giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh cho cơ sở đề nghị hoặc từ chối cấp bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 29. Cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không

1. Giấy chứng nhận được cấp lại trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, rách, hỏng. Giấy chứng nhận được sửa đổi, bổ sung nội dung trong trường hợp nội dung của giấy chứng nhận cần sửa đổi, bổ sung.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại, sửa đổi, bổ sung bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại, sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này, nêu rõ lý do đề nghị;

b) Bản gốc giấy chứng nhận đã được cấp, trừ trường hợp bị mất;

c) Báo cáo hoạt động của cơ sở và việc duy trì đủ điều kiện trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy chứng nhận hết hạn hiệu lực, sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận;

d) Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận.

3. Đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan, hoàn thiện tài liệu; sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 30. Công nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 26 của Thông tư này và tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về hàng không có liên quan.

2. Thủ tục công nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không được thực hiện như thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không quy định tại Điều 28 của Thông tư này và tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về hàng không có liên quan.

Điều 31. Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không

1. Giấy chứng nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

b) Cơ sở được cấp giấy chứng nhận bị giải thể;

c) Cơ sở cung cấp thông tin không trung thực tại hồ sơ đề nghị cấp;

d) Cơ sở hoạt động không đúng mục đích được quy định tại giấy chứng nhận;

đ) Cơ sở vi phạm các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không;

e) Cơ sở không duy trì đủ điều kiện theo giấy chứng nhận đã được cấp;

g) Giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa.

2. Thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Kiểm tra, giám sát nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của nhân viên hàng không bảo đảm duy trì tiêu chuẩn nhân viên hàng không; kiểm tra, giám sát việc duy trì đủ điều kiện của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân

viên hàng không và cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không được cấp giấy chứng nhận.

2. Kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng năm do Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và thông báo cho cơ sở trước 15 ngày làm việc.

3. Cục Hàng không Việt Nam có thể kiểm tra đột xuất trong trường hợp phát hiện cơ sở được cấp giấy chứng nhận có dấu hiệu vi phạm các quy định của Thông tư này.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 19/2007/QĐ-BGTVT ngày 04/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về nhân viên hàng không và cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và Thông tư số 11/2011/TT-BGTVT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2007/QĐ-BGTVT ngày 04/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về nhân viên hàng không và cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

Phụ lục I
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CÔNG NHẬN
GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Dùng cho cá nhân không thuộc tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP/CÔNG NHẬN GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Họ và tên người đề nghị cấp giấy phép: .....
Ngày sinh: .....
Địa chỉ, quốc tịch: .....
Đơn vị công tác: .....
Trình độ đào tạo: .....
Chứng chỉ chuyên môn: .....
Do cơ sở..... cấp ngày.....
Kết quả huấn luyện phù hợp: .....
Các tài liệu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về hàng không dân dụng.
Điện thoại:..... Fax:..... E.mail:.....
Nghề, công việc đang làm (theo các chức danh nhân viên hàng không quy định tại Thông tư này): .....
(Kèm theo hồ sơ đề nghị)
Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam..... giấy phép nhân viên hàng không chức danh....., làm việc ở vị trí năng định.....

....., ngày... tháng.... năm 20....
Người làm đơn
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Áp dụng trong trường hợp không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục cấp giấy phép nhân viên hàng không.

Phụ lục Ia
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CÔNG NHẬN
GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Dùng cho tổ chức)

TÊN CƠ SỞ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP/CÔNG NHẬN GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh:.....

Tên cơ sở viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên:..... Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam..... giấy phép nhân viên hàng không cho (số lượng.....) nhân viên của công ty (có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo).

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Áp dụng trong trường hợp không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục cấp giấy phép nhân viên hàng không.

Phụ lục Ib
MẪU DANH SÁCH XIN CẤP, CÔNG NHẬN GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ SỞ.....

DANH SÁCH XIN CẤP/CÔNG NHẬN GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
(Kèm theo đơn đề nghị của tổ chức.....)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Vị trí công tác hiện tại	Nghề, công việc đang làm	Trình độ đào tạo	Bằng cấp/ Chứng chỉ chuyên môn	Cấp tại cơ sở..... ngày cấp.....	Ghi chú
1									
2									

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Áp dụng trong trường hợp không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục cấp giấy phép nhân viên hàng không.

Phụ lục II
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Dùng cho cá nhân không thuộc tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Họ và tên người đề nghị cấp lại giấy phép: .....
Ngày sinh: .....
Đơn vị công tác: .....
Nghề, công việc đang làm:.....
Số giấy phép:.....
Lý do xin cấp lại giấy phép:.....
Điện thoại:..... Fax:..... E.mail:.....
(Kèm theo hồ sơ đề nghị)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy giấy phép nhân viên hàng không số.....;

....., ngày..... tháng..... năm 20.....
Người làm đơn
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Áp dụng trong trường hợp không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục cấp lại giấy phép nhân viên hàng không.

Phụ lục IIa
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Dùng cho tổ chức)

TÊN CƠ SỞ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên cơ sở viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy phép nhân viên hàng không cho (số lượng....) nhân viên của công ty (có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo).

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Áp dụng trong trường hợp không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục cấp lại giấy phép nhân viên hàng không.

Phụ lục IIb

MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT
ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ SỞ.....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG.....

(Kèm theo đơn đề nghị của tổ chức...)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Vị trí công tác hiện tại	Bằng cấp/Chứng chỉ chuyên môn	Số Giấy phép	Loại giấy phép	Ghi chú
1								
2								
3								

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Áp dụng trong trường hợp không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục cấp lại giấy phép nhân viên hàng không.

Phụ lục III

DANH MỤC NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG NHÓM KHAI THÁC, BẢO DƯỠNG TÀU BAY VÀ THIẾT BỊ TÀU BAY

1. Thành viên tổ lái:

a) Năng định loại và năng định bay bằng thiết bị đối với lái chính tàu bay;

b) Năng định loại và năng định bay bằng thiết bị đối với lái phụ tàu bay;

c) Năng định cơ giới trên không theo loại tàu bay;

d) Năng định dẫn đường trên không theo loại tàu bay.

2. Giáo viên huấn luyện bay:

Năng định giáo viên huấn luyện bay.

3. Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay:

a) Năng định bảo dưỡng, sửa chữa theo loại tàu bay;

b) Năng định bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tàu bay.

II. NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG NHÓM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY

1. Nhân viên không lưu:

a) Năng định thủ tục bay;

b) Năng định kiểm soát mặt đất tại sân bay;

c) Năng định kiểm soát tại sân bay;

d) Năng định kiểm soát tiếp cận không ra đa;

đ) Năng định kiểm soát tiếp cận ra đa;

e) Năng định kiểm soát đường dài không ra đa;

g) Năng định kiểm soát đường dài ra đa;

h) Năng định kíp trưởng không lưu ở các vị trí: kíp trưởng thủ tục bay; kíp trưởng kiểm soát mặt đất tại sân bay; kíp trưởng đài kiểm soát tại sân bay; kíp trưởng kiểm soát tiếp cận và kíp trưởng kiểm soát đường dài;

i) Năng định huấn luyện viên không lưu;

k) Năng định thông báo, hiệp đồng bay;

l) Năng định đánh tín hiệu;

m) Năng định xử lý hệ thống dữ liệu bay (FDP).

2. Nhân viên thông báo tin tức hàng không:

a) Năng định thông báo tin tức hàng không tại cảng hàng không sân bay;

b) Năng định thông báo tin tức hàng không tại phòng NOTAM quốc tế.

3. Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát:

a) Năng định khai thác mạng viễn thông cố định hàng không (AFTN);

b) Năng định khai thác thông tin sóng ngắn không - địa (HF A/G);

c) Thiết bị thông tin sóng cực ngắn không - địa (VHF);

d) Hệ thống chuyển mạch thoại (VCCS);

đ) Thiết bị ghi âm;

e) Đài dẫn đường đa hướng sóng cực ngắn (VOR);

h) Đài đo cự ly bằng vô tuyến (DME);

i) Đài dẫn đường vô hướng (NDB);

k) Hệ thống hạ cánh bằng thiết bị (ILS/DME/Marker);

l) Hệ thống ra đa giám sát sơ cấp (PSR);

m) Hệ thống ra đa giám sát thứ cấp (SSR);

n) Hệ thống xử lý dữ liệu bay (FDP);

o) Hệ thống xử lý dữ liệu ra đa (RDP);

p) Nguồn điện và đèn tín hiệu sân bay;

q) Bay kiểm tra hiệu chuẩn thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát (CNS) và phương thức bay.

4. Nhân viên khí tượng HK:

a) Năng định dự báo khí tượng hàng không;

b) Năng định quan trắc khí tượng hàng không.

5. Nhân viên điều độ, khai thác bay:

a) Năng định khai thác bay;

b) Năng định điều độ bay.

6. Nhân viên thiết kế phương thức bay:

Năng định thiết kế phương thức bay.

III. NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG NHÓM GIÁM SÁT, ĐIỀU KHIỂN, VẬN HÀNH THIẾT BỊ HÀNG KHÔNG, PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TẠI KHU VỰC HẠN CHẾ CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

1. Năng định giám sát thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

2. Năng định điều khiển,vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

IV. NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG NHÓM AN NINH HÀNG KHÔNG

a) Năng định an ninh soi chiếu;

b) Năng định an ninh kiểm soát;

c) Năng định an ninh cơ động;

d) Năng định an ninh trên không.

V. Trường hợp năng định nhân viên hàng không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không thì áp dụng quy định tại văn bản đó.

Phụ lục IV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, PHỤC HỒI NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Dùng cho cá nhân không thuộc tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/BỔ SUNG, PHỤC HỒI NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Họ và tên người đề nghị:.....
Ngày sinh:.....
Đơn vị công tác:.....
Nghề, công việc đang làm:.....
Số giấy phép:.....
Lý do xin cấp lại/bổ sung, phục hồi năng định:.....
Điện thoại:..... Fax:..... E.mail:.....
(Kèm theo hồ sơ đề nghị)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại/bổ sung, phục hồi năng định nhân viên hàng không tại giấy phép số.....

....., ngày.... tháng.... năm 20....
Người làm đơn
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Áp dụng trong trường hợp không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục cấp lại giấy phép nhân viên hàng không.

Phụ lục IVa
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, BỔ SUNG, PHỤC HỒI NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Dùng cho tổ chức)

TÊN CƠ SỞ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/BỔ SUNG, PHỤC HỒI NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):
.....
Tên cơ sở viết tắt (nếu có):.....
Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....
Đại diện theo pháp luật
Họ và tên:..... Chức vụ:.....
Quốc tịch:.....
Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại/bổ sung, phục hồi năng định nhân viên hàng không cho (số lượng.....) nhân viên của công ty (có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo).

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Áp dụng trong trường hợp không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục cấp lại giấy phép nhân viên hàng không.

Phụ lục IVb

MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, BỔ SUNG, PHỤC HỒI NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT
ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Kèm theo đơn đề nghị của đơn vị.....)

TÊN CƠ SỞ.....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, BỔ SUNG, PHỤC HỒI NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG:.....

STT	**Họ và tên**	**Ngày sinh**	**Nơi sinh**	**Vị trí công tác hiện tại**	**Bằng cấp/ Chứng chỉ chuyên môn**	**Số Giấy phép**	**Loại năng định/giấy phép**	**Hình thức năng định** (cấp lại, bổ sung, phục hồi)	**Ghi chú**
1									
2									
3									

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Áp dụng trong trường hợp không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục cấp lại giấy phép nhân viên hàng không.

Phụ lục V

MẪU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ ĐỂ CẤP CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên cơ sở.....

CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ
ĐỂ CẤP CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

1. Mục tiêu chương trình:.....

2. Đối tượng chương trình:.....

3. Thời lượng:..... giờ, gồm:

- Kiến thức chung về hàng không: giờ
- Kiến thức nghiệp vụ: giờ
- Thực hành: giờ
- Ôn tập, kiểm tra, dự phòng: giờ

(Một giờ học thực hành là 60 phút, một giờ học lý thuyết là 45 phút)

4. Những căn cứ xây dựng chương trình

5. Chương trình đào tạo, huấn luyện

STT	Môn học	Thời lượng (giờ)	Trong đó	
			Lý thuyết	Thực hành
I	**Kiến thức chung về hàng không**	XX	X	X
1	**Khái quát chung về hàng không dân dụng**			
1.1	Lịch sử và sự phát triển ngành hàng không dân dụng (Thế giới và Việt Nam)			
1.2	Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO)			
1.3	Tổ chức ngành HKDD Việt Nam; chức năng, nhiệm vụ chính của các cơ quan, đơn vị trong ngành Hàng không dân dụng Việt Nam			
1.4	Hệ thống quản lý nhà nước về hàng không dân dụng Việt Nam			
2	Hệ thống pháp luật về hàng không dân dụng			
2.1	Giới thiệu chung về Luật Hàng không dân dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành; các điều ước quốc tế;			
2.2	Các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực chuyên môn			

STT	Môn học	Thời lượng (giờ)	Trong đó	
			Lý thuyết	Thực hành
3	Kiến thức chung về an ninh, an toàn hàng không; Hệ thống quản lý an toàn hàng không (SMS) của cơ sở; các quy định về an ninh, an toàn hàng không liên quan trực tiếp đến lĩnh vực chuyên môn			
4	Quy tắc lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không			
	Về thời lượng: bố trí đủ thời gian cần thiết đảm bảo cung cấp kiến thức cơ bản phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đối với mỗi chức danh nhân viên hàng không theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về hàng không, các yêu cầu của ICAO và các quy định khác liên quan			
II	**Kiến thức nghiệp vụ chuyên môn**	XX	X	X
	Lý thuyết nghiệp vụ			
	- Chi tiết các môn học lý thuyết	xx	x	x
	- Nội dung đảm bảo cung cấp đầy đủ lượng kiến thức cơ bản về nghiệp vụ theo từng vị trí chức danh công việc chuyên môn của nhân viên hàng không; quy trình tác nghiệp, thao tác, vận hành...;			
III	**Thực hành, thực tập**	XX	X	X
	- Chi tiết các môn thực hành, thực tập	xx	x	x
	- Chỉ rõ nội dung, cách thức và phương pháp huấn luyện thực hành; bố trí đủ lượng thời gian cần thiết cho học viên luyện tập kỹ năng nghiệp vụ, thực hành trên thiết bị huấn luyện đảm bảo sau khi kết thúc khóa học người học có đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ ở vị trí chuyên môn phù hợp;			
IV	**Ôn tập, kiểm tra hết môn, thi cuối khóa, dự phòng**	XX	X	X
4.1	Ôn tập	xx	x	x
4.2	Kiểm tra hết môn, thi cuối khóa	xx	x	x
4.3	Dự phòng	xx	x	x
	Tổng cộng	XX	X	X

6. Các tài liệu tham khảo, áp dụng

7. Giải thích thuật ngữ viết tắt (nếu có)

Phụ lục VI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ HÀNG KHÔNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ SỞ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):
.....
Tên cơ sở viết tắt (nếu có):.....
Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....
Đại diện theo pháp luật
Họ và tên:..... Chức vụ:.....
Quốc tịch:.....
Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ hàng không:... (tên chương trình).....
Chúng tôi cam kết:
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.
- Chấp hành giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo huấn luyện nghiệp vụ hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG/ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** MINISTRY OF TRANSPORT **CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM** **Independence - Freedom - Happiness**

Số/N^{o}:...../GCN-CHK

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG/ CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

CERTIFICATE

OF COMPETENCE TO PROVIDE PROFESSIONAL TRAINING FOR AVIATION PERSONNEL/LANGUAGE ASSESSMENT

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CHỨNG NHẬN
DIRECTOR GENERAL OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM
CERTIFIES THAT

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ/đánh giá.....

Đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không/đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không theo quy định tại Thông tư số.... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không/ cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không đối với (các) chức danh:.....
.....

Training/Language Proficiency Assessment Organization.....

Is qualified to provide professional training for aviation personnel/Language Proficiency Assessment in accordance with the Circular No... TT-BGTVT dated.... by Minister of Transport on Aviation Personnel, Professional Training Organizations and Language Proficiency Assessment Organizations for the following position(s):.....
.....

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20.....
Ha Noi, day.... month.... year 20...

Số QĐ/Decision N^{o}:...../QĐ-CHK
Có giá trị từ ngày (Validity from):.....
đến ngày (to):.....

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

Phụ lục VIII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG/ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ SỞ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, CÔNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG/ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ THÔNG THẠO TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):
.....
Tên cơ sở viết tắt (nếu có):.....
Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):
.....
Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....
Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....
Lĩnh vực hoạt động chính:.....
Vốn điều lệ:..... Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....
Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....
Đại diện theo pháp luật
Họ và tên:..... Chức vụ:..... Quốc tịch:.....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không/đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không cho *(phần dành cho cơ sở là tổ chức trực thuộc pháp nhân)*

- Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ/đánh giá:.....
- Địa chỉ cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ/đánh giá hoặc chi nhánh (nếu có):

+ Cơ sở 1:..... + Cơ sở 2:.....
được thành lập theo Quyết định số....., ngày..... của.....

- Điện thoại:..... Fax:..... E.mail:.....
- Phạm vi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ/đánh giá:.....
- Quy mô đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ/đánh giá:.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nói chung và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không/đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IX

MẪU CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
HEAD OF TRAINING ORGANIZATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

LOGO của CSGT

CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN

PROFESSIONAL CERTIFICATE

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN
HEAD OF TRAINING ORGANIZATION
CHỨNG NHẬN
CERTIFIES THAT

Ảnh màu
(Color Photo)
3 x 4cm

Ông/Bà (Mr/Ms):.....
Ngày sinh (Date of birth):.....
Nơi sinh (Place of birth):.....
Đã hoàn thành khóa học:.....Has successfully completed the course of:..... (tên khóa học/name of the Course)
Thời gian khóa học từ ngày (from):.....đến ngày (to):.....
Tốt nghiệp loại (Grade):.....

....., day (Ngày)... month (tháng)...year (năm)...

*Số QĐ/*Decision N^{o}*: 00000000*
Số vào sổ/Manual N^{o}*: /CCCM*

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
HEAD OF TRAINING ORGANIZATION
(Ký tên, đóng dấu/Sign and Stamp)

Phụ lục X

MẪU PHIẾU KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHIẾU KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Số TT	Nội dung đánh giá	Đơn vị tính	Số lượng	Điều kiện tối thiểu	Kết quả đánh giá	
					Đạt	Không đạt
I	**Tổ chức đào tạo**					
1	Hệ thống Tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý đào tạo			Phù hợp với mục tiêu, quy mô của cơ sở ĐTHL		
2	Hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ *(Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở; các quy định về giáo viên, học viên, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp CCCM...);*			Đáp ứng yêu cầu quản lý, tổ chức, triển khai hoạt động đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ NVHK theo quy định		
3	Nhu cầu và quy mô đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ (tính bình quân người/năm trong 5 năm tới).			Phù hợp/không phù hợp với nhu cầu và năng lực của cơ sở ĐTHL		
II	**Phòng học**					
1	+ Số lượng phòng học	phòng		Phù hợp với quy mô đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ		
2	+ Tổng chỗ ngồi của các phòng học	người		Phù hợp/không phù hợp với quy mô đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ		
3	+ Trang thiết bị phòng học	phòng		Đủ điều kiện theo chuyên môn đào tạo		
4	+ Ánh sáng	thực tế		Đủ đủ điều kiện		
5	+ Độ thông thoáng	thực tế		Đủ đủ điều kiện		
III	**Phòng, xưởng, nơi thực hành**					
	+ Số lượng (Phòng, xưởng/ nơi thực hành)					
	+ Diện tích	m^2		Đủ/không đủ điều kiện		

Số TT	Nội dung đánh giá	Đơn vị tính	Số lượng	Điều kiện tối thiểu	Kết quả đánh giá	
					Đạt	Không đạt
	+ Các trang thiết bị thực hành (thiết bị thật, giả định, sở hữu, thuê...)	thực tế		Đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng với yêu cầu đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ theo quy định		
IV	**Thư viện**					
	+ Diện tích	m^2		Thực tế		
	+ Đầu sách và tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập	đầu sách		Phù hợp mục tiêu, chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ		
V	**Hệ thống chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ**					
1	Chương trình			Theo phê duyệt		
2	Giáo trình chuyên ngành HK					
	+ Giáo trình theo môn học (tên, loại, nguồn gốc...)	Bộ		Số lượng đủ đáp ứng yêu cầu theo nội dung chương trình ĐT-HL được phê duyệt		
	+ Các tài liệu khác liên quan	Bộ		Phù hợp với nội dung chương trình ĐT-HL		
VI	**Giáo viên**					
	+ Số lượng: (báo cáo danh sách theo từng loại giáo viên chuyên nghiệp, kiêm nhiệm, thỉnh giảng)	người				
	+ Số lượng giáo viên thực tế theo môn học (báo cáo danh sách)	lượt GV		Đủ và phù hợp với từng môn học		
	+ Hồ sơ giáo viên (các văn bằng, chứng chỉ theo quy định)			Đủ điều kiện theo quy định		
VII	**Hệ thông lưu trữ, quản lý hồ sơ đào tạo**			Thực tế		
VIII	**Các nội dung khác liên quan**					
IX	**Đánh giá chung** (nhận xét, đánh giá bằng lời)			Thực tế		

Đại diện
CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN

Đại diện
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Ghi chú: Ngoài các tiêu chí đánh giá nêu tại Phụ lục này, người kiểm tra, đánh giá có thể ghi thêm những nội dung cần thiết khác liên quan đến cơ sở theo các quy định của ICAO, các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Phụ lục XI

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG/ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ SỞ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI, CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG/ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):
.....
Tên cơ sở viết tắt (nếu có):.....
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....
Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....
Đại diện theo pháp luật:.....
Họ và tên:..... Chức vụ:.....
Quốc tịch:.....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại/sửa đổi/bổ sung nội dung Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không/cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không cho
(Phần dành cho cơ sở là tổ chức trực thuộc pháp nhân)

- Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ:.....
- Giấy chứng nhận được cấp số:..... ngày..... nơi cấp.....
- Lý do xin cấp lại:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nói chung và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không/cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XII
MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên cơ sở (Unit):.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH HÀNG KHÔNG **Aviation English Language Proficiency Rating Report**	
Assessment Body - Cơ sở đánh giá:	
Test Date - Ngày kiểm tra:	
Test Type - Hình thức kiểm tra	Oral Proficiency Interview - Phỏng vấn trực tiếp ☐
Test Taker's name - Tên thí sinh được kiểm tra	Date of birth - Ngày, tháng, năm sinh: ID - Số báo danh:
	Function - Nghề nghiệp: Organization - Đơn vị:
Rater 1 - Giáo viên 1	Rater 2 - Giáo viên 2

LEVELS (CÁC MỨC)

Discriptors (Tiêu chí đ.giá)	**Rater 1 (Điểm GV1)**	**Rater 2 (Điểm GV2)**	**Average Score (Điểm trung bình cộng)**	**Comments (Nhận xét)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Pronunciation (Phát âm)	3	4	**3.5**	
Structure (Cấu trúc câu)	4	5	**4.5**	
Vocabulary (Từ vựng)	4	4	**4**	
Fluency (Trôi chảy)	6	5	**5.5**	
Comprehension (Hiểu)	5	3	**4**	
Interaction (Phản ứng)	4	5	**4.5**	
Overall Score (Điểm xếp loại)	**3.5**			

Note (Ghi chú):
- The overall score will be the lowest rating among average scores (column 4) of individual ratings (Điểm xếp loại là điểm thấp nhất trong số điểm trung bình cộng (cột 4) của từng tiêu chí được đánh giá).
- Raters must follow the ICAO Rating Scale and Holistic Discriptors contained in ICAO - Doc.9858-AN/453 (Giáo viên kiểm tra phải tuân thủ thang đánh giá và các tiêu chí ngôn ngữ tại tài liệu của ICAO- Doc.9835).

Rater 1 - Giáo viên 1
Signature (ký tên)
Full name (họ và tên)

Rater 2 - Giáo viên 2
Signature (ký tên)
Full name (họ và tên)

Day (Ngày)..... month (tháng).....year (năm)...
Endorsement by The Assessment Organization
(Xác nhận của cơ sở đánh giá)
Signature and Stamp (Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Số liệu ghi trong biểu đánh giá chỉ là giả định để làm ví dụ.